TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ D1** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 158/2022/HS-ST
Ngày 30-5-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ D1, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hoàn;

Bà Châu Hồng Nga.

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Phạm Anh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố D1.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D1, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Trọng An - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố D1, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 142/2022/TLST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2022/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

Từ Thị T1, sinh năm 1987 tại tỉnh Bình Định; hộ khẩu thường trú: thôn V, xã Ân H, huyện H, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Từ Văn B, sinh năm 1952 và bà Bùi Thị R, sinh năm 1964; chồng Trần Cảnh N (đã ly hôn); bị cáo có 02 người con lớn sinh năm 2015 nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự, nhân thân: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/12/2021 đến ngày 24/01/2022 được trả tự do và thay thế bằng biện pháp bảo lĩnh, có mặt.

- *Bị hại:* Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1996, hộ khẩu thường trú: thị trấn K, huyện M, tỉnh Gia Lai, vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Từ Văn H, sinh năm 1990, hộ khẩu thường trú: thôn V, xã Ân H, huyện H, tỉnh Bình Định, vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- *Người làm chứng*: Bà Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm 1995, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ Thị T1 và Nguyễn Thị H1 có quen biết với nhau và sống chung tại phòng trọ B, nhà trọ Đ, khu phố B, phường A, thành phố D1, tỉnh Bình Dương. Tháng 11/2021, T1 lên mạng xã hội Facebook thì thấy có người đăng bán một căn nhà ở xã hội tại thị xã B, tỉnh Bình Dương với giá 180.000.000đồng và một lô đất tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương với giá 250.000.000đồng. T1 liên hệ thì gặp H2 và T2 (không rõ lai lịch) dẫn đi xem căn nhà ở xã hội và lô đất nói trên, T1 đồng ý mua căn nhà ở xã hội tại thị xã B, tỉnh Bình Dương. Tuy nhiên, T1 chỉ có số tiền 75.000.000đồng nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của H1 ở chung phòng trọ. Để chiếm đoạt tiền của H1, T1 đưa ra thông tin giả nói dối với H1 là T1 có một lô đất ở phường T, thành phố T do anh trai T1 bán cho T1 cách đây 10 năm nhưng chưa được sang tên, giờ T1 bán rẻ lại cho H1 giá 250.000.000đồng thì H1 đồng ý mua. Ngày 27/11/2021, T1 chở H1 đến đường N, khu phố Bì, phường T, thành phố T để chỉ lô đất bán cho H1 là phần đất quy hoạch xây dựng nhà trẻ do ban quản lý dự án khu dân cư Việt - Sing quản lý. Sau khi xem đất H1 nói không có tiền thì T1 tư vấn cho H1 đến cửa hàng ủy quyền ngân hàng TP Bank, đường X, khu phố B, phường A, thành phố D1, tỉnh Bình Dương làm hồ sơ vay tín chấp số tiền 50.000.000đồng để đặt cọc tiền mua đất, số còn lại T1 cho H1 trả sau thì H1 đồng ý. Đến ngày 01/12/2021, T1 và H1 đến cửa hàng ủy quyền của ngân hàng TP Bank, địa chỉ: đường X, khu phố B, phường A, thành phố D1, tỉnh Bình Dương để làm hồ sơ ký vay tiền và được ngân hàng giải ngân số tiền 46.000.000đồng, còn 4.000.000đồng phải đóng bảo hiểm khoản vay theo quy định. Khoảng 11 giờ ngày 02/12/2021, tại phòng trọ B, nhà trọ Đ, khu phố B, phường A, thành phố D1, tỉnh Bình Dương H1 giao số tiền 46.000.000đồng tiền đặt cọc mua đất. Sau khi T1 nhận tiền, H1 viết giấy nội dung H1 đặt cọc tiền mua đất số tiền 46.000.000đồng, số tiền còn lại 204.000.000đồng H1 trả sau, sau 01 tháng T1 phải cung cấp sổ đỏ cho H1, T1 ký nhận và đưa giấy cho H1 cất giữ. Sau khi T1 nhận tiền cọc, H1 nhiều lần yêu cầu xem sổ đỏ thì T1 né tránh không đưa, H1 yêu cầu trả tiền lại nhưng T1 không trả, T1 lấy giấy nhận tiền cọc của H1 và tháo gỡ máy lạnh tại phòng trọ nhằm bỏ trốn. Ngày 22/12/2021, H1 nghi ngờ T1 lừa đảo và có ý bỏ trốn nên đến Công an phường A, thành phố D1, tỉnh Bình Dương, trình báo vụ việc. Ngày 22/12/2021, Từ Thị T1 đến Công an phường A, thành phố D1, tỉnh Bình Dương, đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền của H1 và giao nộp giấy giao nhận tiền.

Ngày 23/12/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D1, tỉnh Bình Dương, tạm giữ đối với Từ Thị T1, sau đó khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra lệnh tạm giam về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản để điều tra. Đến ngày 24/01/2022, Từ Thị T1 được thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam sang biện pháp bảo lĩnh. Số tiền chiếm đoạt được của H1, T1 khai nhận đã

đưa cho người tên H2 và T2 (chưa rõ nhân thân lai lịch) để mua nhà ở xã hội, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh có căn cứ sẽ xử lý sau.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Từ Văn H (em ruột của T1) đã thỏa thuận bồi thường cho bà Nguyễn Thị H1 54.300.000đồng, sau khi nhận tiền bà H1 đã đến Ngân hàng TP Bank trả hết số tiền vay và không yêu cầu bồi thường gì khác, ông H không yêu cầu bị cáo T1 trả lại số tiền đã bồi thường cho bà H1 nên trách nhiệm dân sự nên không đề cập xử lý.

Tại Cáo trạng số: 169/CT-VKS ngày 11 tháng 5 năm 2022, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D1, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Từ Thị T1 về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D1 giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng theo khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Từ Thị T1 với mức án từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

Bị cáo không tranh luận, trong lời nói sau cùng, bị cáo Từ Thị T1 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có điều kiện nuôi hai con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố D1, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay kH nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Từ Thị T1 đã khai nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D1 đã truy tố đối với bị cáo. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với những tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Từ Thị T1 đã có hành vi gian dối đưa ra thông tin giả về việc bị cáo T1 có sở hữu một lô đất ở phường T, thành phố T để lừa đảo chiếm đoạt 46.000.000đồng của bị hại Nguyễn Thị H1 vào ngày 02/12/2021, tại phòng trọ phòng trọ B, nhà trọ Đ, khu phố B, phường A, thành phố D1, tỉnh Bình Dương. Bị cáo đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do đó, hành vi của bị cáo Từ Thị T1 đã đủ các yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Cáo trạng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D1, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo với tội danh, điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo Từ Thị T1 là nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại nơi xảy ra vụ án, gây tâm lý hoang mang cho người dân tại địa phương. Về nhận thức, bị cáo nhận rõ hành vi của mình thực hiện là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam, tư lợi bị cáo vẫn cố ý thực hiện, bất chấp hậu quả xảy ra. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi thực hiện hành vi bị cáo ra đầu thú. Cha bị cáo là ông Từ Văn B là thương binh loại A và được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước Hạng nhì. Ngoài ra, bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[6] Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên đủ điều kiện hưởng án treo theo quy định Điều 65 của Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Việc cho bị cáo hưởng án treo cũng đủ phát huy tác dụng giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội, không làm ảnh hưởng tới công tác đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương, thể hiện được tính khoan hồng của pháp luật Nhà nước.

[7] Xử lý vật chứng: không đặt ra xem xét.

[8] Xét đề nghị Viện kiểm sát là chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[9] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 298, 299, 326, 327, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

Tuyên bố bị cáo Từ Thị T1 phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

1. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Từ Thị T1 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm thời gian thử thách tính từ ngày Tòa tuyên án (ngày 30 tháng 5 năm 2022).

Giao bị cáo Từ Thị T1 về Ủy ban nhân dân phường A, thành phố D1, tỉnh Bình Dương trực tiếp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Từ Thị T1 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Bị cáo Từ Thị T1 phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

3. Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D1;
- Công an thành phố D1;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D1;
- Phòng PV06 - Công an tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Ủy ban nhân dân nơi bị cáo cư trú;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Tuyên